

Số: 524 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình khuyến công giai đoạn 2026-2030
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về Sản xuất và Tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP của Chính phủ; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 17/2018/TT-BCT ngày 10/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2018/TT-BCT ngày 28/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định 3529/QĐ-BCT ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương thực hiện Chương trình hành động quốc gia về Sản xuất và Tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-BCT ngày 23/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Chương trình khuyến công quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 25/9/2025 của Đại hội Đại biểu Đảng

bộ tỉnh Khánh Hòa lần thứ I nhiệm kỳ 2025 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định mức chi hỗ trợ các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định về xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch và đề án khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 16/TTr-SCT ngày 27/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khuyến công giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài Chính; Giám đốc Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thi hành);
- Bộ Công Thương (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KT, TTCB&CTTĐT;
- Lưu: VT. DN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trịnh Minh Hoàng



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH

Khuyến công giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
(Kèm theo Quyết định số 524 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung

Phát triển công nghiệp nông thôn theo hướng bền vững, hiện đại và hiệu quả, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động, hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn, doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026-2030

Trong giai đoạn 2026-2030, tập trung triển khai các chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp nông thôn (CNNT) với các mục tiêu cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ xây dựng 03 mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyên giao công nghệ; Hỗ trợ 100 đề án ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào khâu sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp (CN-TTCN), ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm công nghiệp lợi thế của tỉnh.

b) Về công tác phát triển sản phẩm CNNT tiêu biểu như: Tổ chức 03 kỳ bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh. Hỗ trợ đăng ký 02 nhãn hiệu sản phẩm và 03 phòng trưng bày sản phẩm; tổ chức 01 hội chợ triển lãm, trưng bày sản phẩm công nghiệp cấp tỉnh; hỗ trợ 32 gian hàng của các cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm trong nước.

c) Về tư vấn, trợ giúp thông tin cho cơ sở CNNT: Thực hiện 39 phóng sự khuyến công truyền hình trên Báo và Phát thanh truyền hình Khánh Hòa; phát hành 12 kỳ bản tin khuyến công; phát hành 3 brochure quảng bá sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh; phát hành 600 cuốn sổ tay/cẩm nang khuyến công; thực hiện 60 bài viết tuyên truyền về hoạt động khuyến công trên báo...

d) Hỗ trợ tổ chức 02 hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp. Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại 03 cơ sở CNNT.

đ) Về nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở CNNT: Tổ chức 15 hội nghị, hội thảo tập huấn cho các cơ sở CNNT nhằm nâng cao năng lực cho các chủ cơ sở CNNT trong việc quản lý sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm.

e) Về nâng cao năng lực công tác quản lý nhà nước về công tác khuyến công: Tổ chức 02 đoàn tham gia trao đổi, học tập kinh nghiệm trong nước; Tổ chức 02 đợt tập huấn, hội nghị, hội thảo nghiệp vụ khuyến công cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác khuyến công và tham gia 08 đợt tập huấn, hội thảo, hội nghị, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công ngoài tỉnh và các chương trình do Bộ Công Thương tổ chức.

g) Về các hoạt động liên quan đến Chương trình sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững: Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về chương trình sản xuất và tiêu dùng bền vững, nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn cho các cơ sở CNNT, cán bộ, cộng tác viên khuyến công. Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, hội nghị về Chương trình hành động quốc gia về Sản xuất và tiêu dùng bền vững do các Bộ ngành Trung ương và đơn vị tư vấn tổ chức.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ.

2. Phạm vi áp dụng

Chương trình gồm các nội dung hoạt động khuyến công quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công (được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 235/2025/NĐ-CP ngày 27/8/2025 của Chính phủ) nhằm khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất CNNT, áp dụng sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững..

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2026-2030.

III. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật; chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào khâu sản xuất công nghiệp – tiêu thủ công nghiệp

a) Nội dung thực hiện:

Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào khâu sản xuất CN-TTCN, ưu tiên hỗ trợ các sản phẩm công nghiệp lợi thế của tỉnh.

b) Dự kiến kết quả đạt được:

- Hỗ trợ xây dựng 03 mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ.
- Hỗ trợ từ 100 lượt cơ sở CNNT thực hiện các đề án ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến vào khâu sản xuất CN-TTCN.

c) Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương.

2. Hỗ trợ phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu

a) Nội dung thực hiện:

- Tổ chức bình chọn sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh.
- Hỗ trợ các cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm trong nước
- Hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu sản phẩm.
- Hỗ trợ đầu tư phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

b) Dự kiến kết quả:

- Tổ chức 03 đợt bình chọn cấp tỉnh; phấn đấu tổ chức bình chọn trên 50 sản phẩm/đợt đạt danh hiệu CNNT tiêu biểu cấp tỉnh.
- Hỗ trợ các cơ sở CNNT đầu tư 03 phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm và đăng ký 02 nhãn hiệu sản phẩm.
- Tổ chức 01 hội chợ triển lãm, trưng bày sản phẩm công nghiệp cấp tỉnh; Hỗ trợ 32 gian hàng của các cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm trong nước.

c) Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương; riêng 01 hội chợ triển lãm, trưng bày sản phẩm công nghiệp cấp tỉnh sẽ thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công quốc gia (nếu được phân bổ).

3. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp; xử lý môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn

a) Nội dung và kết quả dự kiến:

- Hỗ trợ tổ chức 02 hội nghị, hội thảo, diễn đàn xúc tiến đầu tư phát triển cụm công nghiệp.
- Hỗ trợ công nghệ, máy móc thiết bị xử lý nước thải, khí thải tại 03 cơ sở CNNT.

b) Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương.

4. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở công nghiệp nông thôn

a) Nội dung thực hiện:

Tổ chức các lớp đào tạo, hội thảo, tập huấn kiến thức theo các chuyên đề: Khởi sự doanh nghiệp, quản lý kinh doanh tổng hợp, quản trị nhân sự, tài chính kế toán, marketing, sở hữu trí tuệ, hội nhập kinh tế, chuyển đổi số... phù hợp với nhu cầu của các cơ sở CNNT và phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường trong thời kỳ hội nhập.

b) Dự kiến kết quả:

Dự kiến tổ chức 15 hội nghị, hội thảo tập huấn cho các cơ sở CNNT. Thông qua các lớp đào tạo, hội thảo, tập huấn... các chủ cơ sở CNNT sẽ có kinh nghiệm và áp dụng có hiệu quả trong việc quản lý sản xuất, kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm được tốt hơn.

c) Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương.

5. Hỗ trợ phát triển tư vấn, cung cấp thông tin

a) Nội dung hỗ trợ:

Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, phát hành bản tin, ấn phẩm, trang tin điện tử, sổ tay, cẩm nang... và các hình thức thông tin đại chúng khác để cung cấp thông tin cho các cơ sở CNNT về chính sách phát triển công nghiệp, khuyến công, thông tin thị trường, phổ biến kinh nghiệm, mô hình sản xuất kinh doanh điển hình....

b) Dự kiến kết quả:

- Thực hiện 39 phóng sự khuyến công truyền hình trên Báo và Phát thanh truyền hình Khánh Hòa;

- Phát hành 12 kỳ bản tin khuyến công;

- Phát hành 600 ấn phẩm quảng bá sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp tỉnh;

- Phát hành 600 cuốn sổ tay/cẩm nang khuyến công;

- Thực hiện 60 bài viết tuyên truyền về hoạt động khuyến công trên báo;

c) Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương.

6. Nâng cao năng lực công tác quản lý nhà nước về quản lý chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công

a) Nội dung:

Hỗ trợ xây dựng các chương trình, kế hoạch, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu: thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi nghiệm thu kiểm tra các đề án đã được phê duyệt, chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu đề án khuyến công...

b) Dự kiến kết quả:

- Các đề án khuyến công được phê duyệt đảm bảo thực hiện đúng đối tượng, mục đích kế hoạch được phê duyệt.

- Tổ chức 02 đoàn tham gia trao đổi, học tập kinh nghiệm trong nước.

- Tổ chức 02 đợt tập huấn, hội nghị, hội thảo nghiệp vụ khuyến công cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác khuyến công.

- Tham gia 08 đợt tập huấn, hội thảo, hội nghị, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công ngoài tỉnh và các chương trình do Bộ Công Thương tổ chức.

c) Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương.

7. Chương trình sản xuất sạch hơn, sản xuất và tiêu dùng bền vững

a) Nội dung hoạt động:

- Nâng cao trình độ, kiến thức và năng lực chuyên môn cho công chức, viên chức;

- Tuyên truyền, phổ biến, các chính sách sản xuất và tiêu dùng bền vững;
- Nâng cao nhận thức về lối sống, sản xuất và tiêu dùng bền vững, phòng chống rác thải nhựa sử dụng 01 lần khó phân hủy; giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên, tiếp cận phát triển thị trường bền vững, phân phối xanh.

b) Dự kiến kết quả:

- Tham gia 09 đợt đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo Chương trình hành động quốc gia về Sản xuất và tiêu dùng bền vững do các Bộ ngành Trung ương và đơn vị tư vấn tổ chức;
- Tổ chức 37 Hội nghị tập huấn về chương trình sản xuất và tiêu dùng bền vững; nâng cao nhận thức và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn;
- Xây dựng, phát hành tài liệu (6000 sản phẩm là ấn phẩm, tờ rơi, poster,...), sản phẩm (túi thân thiện môi trường) tuyên truyền thực hành sản xuất sạch hơn và tiêu dùng bền vững;
- Tổ chức tuyên truyền với chủ đề: “Chung tay phòng chống rác thải nhựa sử dụng một lần khó phân hủy” (Treo băng rôn tại các điểm chợ, phát loa tuyên truyền, in ấn và phát hành sản phẩm túi thân thiện với môi trường) tại 18 địa điểm trên địa bàn các phường, xã thuộc tỉnh Khánh Hòa;
- Xây dựng phát hành 300 cuốn cẩm nang hướng dẫn phổ biến chính sách pháp luật, kiến thức và thông tin về sản xuất và tiêu dùng bền vững;
- Tuyên truyền 20 bài viết, phổ biến nâng cao nhận thức về các chính sách pháp luật, các mô hình thực hành tốt về sản xuất và tiêu dùng bền vững trên báo chí và các trang thông tin điện tử.

c) Kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Rà soát, ban hành các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định, cơ chế, chính sách về hoạt động khuyến công phù hợp với các quy định mới để triển khai thực hiện nhằm khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện hoạt động khuyến công, thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
2. Xây dựng, ban hành kế hoạch hàng năm, quy trình, thủ tục để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, đề án khuyến công cấp tỉnh, cấp xã đúng quy định.
3. Tổ chức đào tạo và nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công vững vàng về chính trị, tư tưởng, có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng tốt các yêu cầu nhiệm vụ đặt ra đối với công tác khuyến công. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến công theo hướng hiện đại.
4. Khảo sát thực tế các cơ sở CNNT trên địa bàn tỉnh, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh để có giải pháp phù hợp hỗ trợ, khuyến khích phát triển CNNT.

5. Duy trì và tăng cường công tác phối hợp với các cơ quan Báo, Đài của Trung ương và địa phương để thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến công và CNNT; Thường xuyên cập nhật và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng chuyển tải các thông tin về chính sách mới, thông tin về áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, ... cho các cơ sở CNNT. Đặc biệt là làm cho các cơ sở CNNT biết được chính sách và nội dung hoạt động của chương trình khuyến công, từ đó tích cực chủ động tham gia, thụ hưởng chính sách hỗ trợ để phát triển sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, qua đó góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

6. Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm về hoạt động khuyến công; khuyến khích động viên, khen thưởng kịp thời cho các cá nhân, tập thể, đơn vị có nhiều thành tích trong công tác khuyến công hàng năm và giai đoạn.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Chương trình bao gồm nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, vốn của cơ sở CNNT, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án, các nguồn vốn huy động hợp pháp khác nhằm đầu tư, phát triển CNNT.

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030: 36.383.000.000 đồng. Trong đó:

- Nguồn kinh phí khuyến công quốc gia: 3.135.000.000 đồng
- Nguồn kinh phí khuyến công địa phương: 33.248.300.000 đồng

(Chi tiết theo Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công giai đoạn 2026-2030 đính kèm)

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Chương trình này; xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch hàng năm; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện Chương trình và các hoạt động có liên quan.

b) Trên cơ sở chương trình khuyến công được cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhu cầu kinh phí do các đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ khuyến công cấp tỉnh đề xuất, tổng hợp, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

c) Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình khuyến công.

d) Rà soát, xây dựng hoàn thiện các văn bản quy định về khuyến công trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, ban hành theo quy định.

đ) Theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương về kết quả thực hiện Chương trình này và các hoạt động khuyến công có liên quan trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh

a) Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Chương trình khuyến công được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; xây dựng Kế hoạch khuyến công hàng năm gửi Sở Công Thương thẩm định.

b) Sử dụng có hiệu quả kinh phí khuyến công và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan cân đối theo khả năng ngân sách, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chương trình khuyến công địa phương giai đoạn 2026–2030 hàng năm, bảo đảm theo quy định hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn tuyên truyền, phổ biến chính sách khuyến công và các chính sách có liên quan đến người dân và các cơ sở CNNT trên địa bàn xã, phường.

b) Xây dựng, phê duyệt Chương trình khuyến công cấp xã; bảo đảm nguồn vốn từ ngân sách cấp xã để tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động khuyến công trên địa bàn cấp xã. Định kỳ hàng năm xây dựng kế hoạch, đề án khuyến công theo các nội dung Chương trình khuyến công.

c) Báo cáo kết quả thực hiện định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất theo yêu cầu, gửi về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương theo quy định.

5. Báo và Phát thanh, Truyền hình Khánh Hòa, Trung tâm Công báo và Cổng Thông tin điện tử tỉnh

Có kế hoạch tăng tần suất, quy mô tuyên truyền, phổ biến, chủ trương, chính sách về khuyến công; giới thiệu phổ biến các mô hình hoạt động hiệu quả trong hoạt động khuyến công, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

6. Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội

Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Công Thương trong công tác tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

7. Đối với các tổ chức, cá nhân thụ hưởng chương trình khuyến công

a) Tích cực đầu tư và mở rộng quy mô sản xuất, ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, phát triển các ngành, nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, áp dụng thực hiện các giải pháp sản xuất sạch hơn, đề xuất và đăng ký để được xem xét, hỗ trợ từ chính sách khuyến công và các chính sách có liên quan.

b) Tổ chức triển khai thực hiện đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, thiết thực, tiết kiệm và đúng quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.